

Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư giám sát thi công xây dựng công trình; chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng

건설 활동 기술자, 건축가의 라이선스를 받는 절차

27/01/2005

HƯỚNG DẪN

방법

Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

건설 활동 라이선스를 받기 위한 수속과 절차

(Hướng dẫn số 1844/SXD-GĐCL ngày 05/3/2015 thay thế Hướng dẫn số 430/SXD-GĐCL ngày 19/01/2010)

2015 년 3 월 5 일 발행된 1844/SXD-GĐCL 과 2010 년 1 월 19 일 발행된 430/SXD-GĐCL 에 근거함

Căn cứ Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

2009 년 2 월 12 일 발행된 12/2009/NĐ-CP 의정서에 근거함 (정부, 건설 투자 관리반 발행)

Căn cứ Thông tư 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;

2009 년 6 월 24 일 건설 활동 라이선스 발급에 관한 방법으로 건설부에서 발행된 12/2009/TT-BXD 에 근거함

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

2010 년 4 월 7 일 발행된 37/2010/NĐ-CP 의정서에 근거함 (정부의 도시 계획 관리와 승인, 심사, 수립에 관련 부서에서 발행)

Sở Xây dựng hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng như sau:

건설 활동에 대한 라이선스 발급에 관한 건설부의 수속과 절차는 아래와 같다.

## I. Đối tượng được cấp chứng chỉ hành nghề

### 라이선스 발급 대상

(Thực hiện Điều 1 Thông tư 12/2009/TT-BXD)

(12/2009/TT-BXD 안내서 1 조에서 발췌)

1. Cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu được cấp chứng chỉ, có đủ điều kiện năng lực tương ứng với lĩnh vực xin đăng ký hành nghề quy định tại mục III của Hướng dẫn này.

1. 개인은 베트남 국민, 외국에 거주중인 베트남인, 라이선스 발급 요구사항에 맞는 베트남 건설법에 합치되는 활동을 하며 이 방법서 3 항에 규정하는 라이선스 등록 영역에 상응하는 능력을 가진 외국인.

2. Cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp nếu còn giá trị sử dụng thì được công nhận để hành nghề. Khi hành nghề tại Việt Nam, các cá nhân này phải gửi bản dịch chứng chỉ hành nghề sang tiếng Việt có chứng thực hợp pháp cho Sở Xây dựng địa phương nơi cá nhân đó hành nghề biết để quản lý.

2. 외국인 혹은 외국에 거주중인 베트남인 중 유효기간이 있는 외국에서 발행된 라이선스가 있는 사람. 베트남에서 종사중일때 개인은 라이선스를 베트남어로 번역하여 건설 부에 합법적으로 실증하여 국가가 관리 할 있도록 한다.

3. Cá nhân là công chức đang làm công việc quản lý hành chính Nhà nước thì không được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

3. 공무원은 건설 활동을 할 수 없다.

## II. Lĩnh vực hành nghề hoạt động xây dựng

### II. 건설 활동 종사 영역

(Thực hiện Điều 10 Thông tư 12/2009/TT-BXD)

(12/2009/TT-BXD 건설국 안내장 10 조에서 발행)

1. Các lĩnh vực hành nghề kiến trúc sư bao gồm:

1. Kiến trúc sư của các ngành nghề là như sau:

- a) Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- a) Kiến trúc quy hoạch
- b) Thiết kế kiến trúc công trình;
- b) Kiến trúc quy hoạch
- c) Thiết kế nội - ngoại thất công trình.
- c) Nội thất quy hoạch

2. Các lĩnh vực hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng bao gồm:

2. Các ngành nghề của kỹ sư là như sau:

- a) Khảo sát xây dựng bao gồm:
  - a) Kiến trúc quy hoạch
- Khảo sát địa hình;
- Địa hình (địa hình) quy hoạch
- Khảo sát địa chất công trình;
- Địa chất quy hoạch
- Khảo sát địa chất thủy văn.
- Thủy văn quy hoạch
- b) Thiết kế xây dựng bao gồm các chuyên môn chủ yếu dưới đây:
  - b) Địa chất quy hoạch là các nội dung sau đây:
    - Thiết kế kết cấu công trình;
    - Địa chất quy hoạch
    - Thiết kế điện công trình;
    - Điện địa chất quy hoạch
    - Thiết kế cơ điện công trình;

- 기계 시공 설계
- Thiết kế cấp - thoát nước;
- 배수 설비 설계
- Thiết kế cấp nhiệt;
- 급열 설계 (보일러?)
- Thiết kế thông gió, điều hòa không khí;
- 에어컨, 벤틸레이션 설계
- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong xây dựng công trình;
- 통신망, 연락 망 설계
- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;
- 소방 설계
- Thiết kế các bộ môn khác.
- 기타 다른 종류의 설계

### 3. Lĩnh vực chuyên môn giám sát thi công xây dựng:

- 건설 감리 전문 영역
  - a) Giám sát công tác khảo sát xây dựng bao gồm:
    - a) 건설 감리 전문 영역은 아래와 같다 :
    - Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình;
    - 지질 시공 감리
    - Giám sát công tác khảo sát địa chất thủy văn;
    - 수로 시공 감리
  - b) Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;
  - b) 건설과 마감 감리
  - c) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;
  - c) 설비 설치 감리

d) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.

d) Công nghiệp thiết bị lắp đặt

III. Điều kiện được cấp chứng chỉ

### III. 라이선스 발급 조건

(Thực hiện Điều 6 Thông tư 12/2009/TT-BXD)

(12/2009/TT-BXD 건설부 안내서 6 조에서 발췌)

1. Điều kiện chung:

1. 일반 조건 :

a) Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

a) 국민 권한이 있고 법률 규정에 따른 일반 행위 능력이 있는 베트남인; 베트남에서 합법적으로 거주하고 있는 외국인;

b) Có đạo đức nghề nghiệp và có hồ sơ xin cấp chứng chỉ theo quy định tại mục IV của Hướng dẫn này và nộp lệ phí theo quy định.

도적직업 의식과 이 방법서의 항목 4 에 규정하는 라이선스 발급 서류, 규정에 맞는 비용을 지불한자.

2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư:

2. 건축가 라이선스 발급 조건

a) Có các điều kiện quy định tại khoản 1 mục III Hướng dẫn này;

a) 이 방법서의 항목 3 의 1 조에 규정하는 조건에 해당하는 사람

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc hoặc quy hoạch xây dựng do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp;

b) 건축 혹은 건설 계획과 관련 전공 대학 졸업증명서 (베트남의 합법적으로 발급되거나 외국에서 발급된 것)

c) Có kinh nghiệm trong công tác thiết kế ít nhất 5 năm và đã tham gia thực hiện thiết kế kiến trúc (hoặc thiết kế nội - ngoại thất) ít nhất 5 công trình hoặc 5 đề án quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

c) 5 년 이상의 설계 경험과 5 개 이상의 건설, 인테리어, 외장 설계에 참가 한자.

3. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư:

3. **기술자 라이선스 발급 조건 (건축가와 동일)**

a) Có các điều kiện quy định tại khoản 1 mục III Hướng dẫn này;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp;

c) Có kinh nghiệm về lĩnh vực xin đăng ký hành nghề ít nhất 5 năm và đã tham gia thực hiện thiết kế hoặc khảo sát ít nhất 5 công trình.

4. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình:

4. **감리사 라이선스 발급 조건**

a) Có các điều kiện quy định tại khoản 1 mục III Hướng dẫn này;

a) 항목 3 과 같음

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên (đối với chứng chỉ hành nghề loại màu đỏ) hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (đối với chứng chỉ hành nghề loại màu hồng) thuộc chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung xin đăng ký hành nghề, do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp;

b) 대학 졸업증명서

c) Đã trực tiếp tham gia thực hiện thiết kế hoặc thi công xây dựng từ 3 năm trở lên hoặc đã tham gia thực hiện thiết kế, thi công xây dựng ít nhất 5 công trình được nghiệm thu bàn giao;

c) 3 년 이상의 설계 참여 경력 혹은 5 개 이상의 시공 감리 경험

d) Đã thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình từ 3 năm trở lên (áp dụng đối với trường hợp trước khi Luật Xây dựng có hiệu lực thi hành);

d) 3 년 이상의 감리 경력

đ) Có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình xin cấp chứng chỉ do cơ sở đào tạo được Bộ Xây dựng công nhận cấp.

d) 건설부에서 인정하는 건설 종류에 부합하는 시공 감리 업무 라이선스

IV. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

IV. 건설 활동 업무 라이선스에 신청에 필요한 서류

Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề hành nghề hoạt động xây dựng thực hiện Điều 7 Thông tư 12/2009/TT-BXD và các quy định sau:

건설부에서 발행하는 12/2009/TT-BXD 안내서에 따른 준비 서류

1. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư:

1. 건축가 라이선스 발급 준비 서류

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư theo mẫu tại Phụ lục 1 của Hướng dẫn này.

- 이 안내서의 부록 1 에 해당하는 신청서

- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 2 của Hướng dẫn này. Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

- 이 안내서 부록 2 에 해당하는 경력 증명서. 이 증명서는 기관과, 직접 관리하는 기관에서 시행는 곳에서 인정해야함. 이를 인정하는 사람은 반드시 책임을 져야 한다.

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề (bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc hoặc quy hoạch xây dựng do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp)

- 건축 대학 졸업 증명서

2. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư:

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 3 của Hướng dẫn này.

- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 4 của Hướng dẫn này. Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề (bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp)

### 3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình:

- Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục 5 của Hướng dẫn này.

- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 6 của Hướng dẫn này. Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề bao gồm:

+ Bằng tốt nghiệp đại học trở lên (đối với chứng chỉ cấp cho cá nhân có trình độ đại học) hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (đối với chứng chỉ cấp cho cá nhân có trình độ cao đẳng, trung cấp) thuộc chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề, do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

+ Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình.

### V. Cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề

Việc cấp lại hoặc cấp bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng thực hiện theo Điều 9 Thông tư 12/2009/TT-BXD và các quy định sau:

1. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp lại hoặc bổ sung nội dung trong các trường hợp sau:

a) Chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng;

b) Bổ sung nội dung hành nghề;



c) Chứng chỉ cũ bị rách, nát;

d) Chứng chỉ bị mất;

đ) Chứng chỉ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đã hết thời hạn thu hồi.

2. Điều kiện để được cấp lại chứng chỉ hành nghề:

a) Có đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề nộp tại Sở Xây dựng, nơi đã cấp chứng chỉ hành nghề cũ;

b) Có chứng chỉ cũ (đối với trường hợp: chứng chỉ cũ bị rách, nát hoặc xin cấp bổ sung nội dung hành nghề hoặc chứng chỉ đã hết hạn);

c) Có bản sao các văn bằng, chứng chỉ và bản kê khai kinh nghiệm liên quan đến nội dung xin bổ sung hành nghề (đối với trường hợp xin bổ sung nội dung hành nghề);

d) Không vi phạm các quy định trong hoạt động xây dựng và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn xét cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề như đối với trường hợp xin cấp mới. Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét để cấp lại chứng chỉ cho các đối tượng có đủ điều kiện theo quy định.

Đối với trường hợp xin cấp lại chứng chỉ do bị mất hoặc rách, nát thì Giám đốc Sở Xây dựng tự xem xét quyết định, không phải thông qua Hội đồng tư vấn.

4. Nội dung và thời hạn của chứng chỉ cấp lại được ghi như sau:

a) Ghi theo đúng nội dung và thời hạn của chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị mất hoặc rách, nát.

b) Ghi bổ sung nội dung hành nghề, theo thời hạn của chứng chỉ cũ đối với trường hợp xin cấp bổ sung nội dung hành nghề.

c) Đối với trường hợp hết hạn thì nội dung và thời hạn ghi trong chứng chỉ được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

5. Hồ sơ xin cấp lại, cấp bổ sung nội dung hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng công trình:

a) Hồ sơ xin cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng công trình được cấp lại cho các trường hợp (chứng chỉ cũ hết hạn; chứng chỉ cũ bị rách, nát; chứng chỉ bị mất; chứng chỉ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đã hết thời hạn thu hồi), hồ sơ bao gồm:

- Đối với các trường hợp chứng chỉ cũ hết hạn; chứng chỉ cũ rách, nát; chứng chỉ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đã hết thời hạn thu hồi:

+ Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 7.

+ Chứng chỉ cũ.

- Đối với các trường hợp chứng chỉ bị mất:

+ Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 7.

b) Đối với trường hợp bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề:

- Đối với hồ sơ kiến trúc sư:

+ Đơn xin bổ sung nội dung hành nghề kiến trúc sư theo mẫu tại Phụ lục 8 của Hướng dẫn này.

+ Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 2 của Hướng dẫn này. Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề (bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc hoặc quy hoạch xây dựng do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp)

+ Chứng chỉ cũ

- Đối với hồ sơ kỹ sư:

+ Đơn xin bổ sung nội dung hành nghề kỹ sư theo mẫu tại Phụ lục 8 của Hướng dẫn này.

+ Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 4 của Hướng dẫn này. Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề (bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp)

+ Chứng chỉ cũ

- Đối với hồ sơ giám sát thi công xây dựng công trình:

+ Đơn xin bổ sung nội dung hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục 8 của Hướng dẫn này.

+ Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 6 của Hướng dẫn này. Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề bao gồm:

- Bằng tốt nghiệp đại học trở lên (đối với chứng chỉ cấp cho cá nhân có trình độ đại học) hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (đối với chứng chỉ cấp cho cá nhân có trình độ cao đẳng, trung cấp) thuộc chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề, do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

- Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình.

+ Chứng chỉ cũ.

VI. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng(Thực hiện Điều 8 Thông tư 12/2009/TT-BXD)

VI. 건설 활동 라이선스 발급 수속 방법

1. Người xin cấp chứng chỉ hành nghề lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Mục IV và mục V Hướng dẫn này và kèm 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong năm xin đăng ký gửi tới Sở Xây dựng nơi xin cấp chứng chỉ hành nghề.

1. 항목 4 에와 5 의 규정대로 서류를 2 부를 준비하고 3x4 사진 2 장을 준비하여 건설반 건설 자격증 관련 부서에 제출

2. Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ.

2. 제대로 된 서류 인지 서류가 부족한지 5 일 이내에 결과를 통보해야 함

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định.

3. 30 일 이내에 규정에 맞는 서류를 제출하였을 경우 해당 부서는 라이선스를 발급 고찰한다.

4. Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định.

건설반 감독은 규정에 맞는 조건이 충분한지 판단하여 결정한다.

5. Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề (kể cả trường hợp xin cấp lại hoặc xin bổ sung nội dung hành nghề) thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

5. 재정부에서 결정하는 행정 수속 비용을 지불한다.

## VII. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Số 17, ngõ Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

### 1. 서류 제출 및 발급 주소

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định)

Khi đến nộp hồ sơ và nhận kết quả, người xin cấp chứng chỉ phải xuất trình chứng minh thư (đối với công dân Việt Nam), hộ chiếu (đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

2. Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình (Thực hiện Điều 2 Thông tư 33/2012/TT-BTC):

### 2. 발급 비용

+ Cấp mới: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

### 최초 발급

+ Cấp lại, bổ sung: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

### 재발급